

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh
Tên đơn vị: UBND PHƯỜNG PHÚ LỢI
Mã đơn vị: 03862

Mẫu số 10b-CK/TSC
(TT số 144/2017/TT-BTC ngày
29/12/2017 của Bộ Tài chính)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG
NĂM 2025
(Kèm theo Thông báo số 161/TB-UBND ngày 09/4/2026 của UBND phường Phú Lợi)

ĐVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích là: m².

TÀI SẢN	TỔNG CỘNG		HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG						
			Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác
	SỐ LƯỢNG	DIỆN TÍCH		Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1. Văn phòng HĐND và UBND, TTHCC, KTHTĐT, VHXX, BCH Quân sự (CS chính)	70	8.212,54	8.281						
1- Đất khuôn viên	1	7.111,00	7.111,00						
2- Nhà	1	1.101,54	1.101,54						
3- Xe ô tô	5		5						
4- Tài sản cố định khác	63		63						
2. Đảng ủy phường (VP Đảng ủy, Ban Xây dựng Đảng, UBKT), MTTQVN	63	5.418,54	5.480						
1- Đất khuôn viên	1	3.827,30	3.827,30						
2- Nhà	1	1.591,24	1.591,24						
3- Xe ô tô	-		-						
4- Tài sản cố định khác	61		61						
3.Trung tâm Văn hóa Thể dục thể thao phường	2	16.794,80	16.794,80						
1- Đất khuôn viên	1	15.126,80	15.126,80						
2- Nhà	1	1.668,00	1.668,00						

3- Xe ô tô	-		-						
4- Tài sản cố định khác	-		-						
4. Dự kiến bố trí TTPVHCC	2	3.756,22	3.756,22						
1- Đất khuôn viên	1	2.645,32	2.645,32						
2- Nhà	1	1.110,90	1.110,90						
3- Xe ô tô	-		-						
4- Tài sản cố định khác	-		-						
5. BCH Quân sự (Cơ sở 2)	2	721,20	721,20						
1- Đất khuôn viên	1	297,50	297,50						
2- Nhà	1	423,70	423,70						
3- Xe ô tô	-								
4- Tài sản cố định khác	-		-						
6. Phòng ban chuyên môn, kho lưu trữ phòng	3	5.394,36	5.394,36						
1- Đất khuôn viên	1	3.195,40	3.195,40						
2- Nhà	1	2.198,96	2.198,96						
3- Xe ô tô	-		-						
4- Tài sản cố định khác	1		1						
7. Văn phòng các khu phố, chốt dân quân, chốt dân phòng	62	14.444,93	14.444,93						
1- Đất khuôn viên	31	10.942,68	10.942,68						
2- Nhà	31	3.502,25	3.502,25						
3- Xe ô tô	-		-						
4- Tài sản cố định khác	-		-						
8. Các trường học	2.964	177.222,19		180.156,19					

1- Đất khuôn viên	15	107.032,60		107.032,60					
2- Nhà	15	70.189,59		70.189,59					
3- Xe ô tô									
4- Tài sản cố định khác	2.934			2.934					
Tổng cộng	3.168	231.965	54.872	180.156					

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh
Tên đơn vị: UBND PHƯỜNG PHÚ LỢI
Mã đơn vị: 03862



Mẫu số 10a-CK/TSC
(TT số 144/2017/TT-BTC ngày
29/12/2017 của Bộ Tài chính)

CÔNG TÀI TÀI CHÍNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẮM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG
NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 161/TB-UBND ngày 09/4/2026 của UBND phường Phú Lợi)

ĐVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích là: m2; Nguyên giá là: đồng.

STT	TÀI SẢN	ĐẦU TƯ XÂY DỰNG/ MUA SẮM			TIẾP NHẬN			THUÊ		
		Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	1. Văn phòng HĐND và UBND, TTHCC, KTHĐT, VHXX, BCH Quân sự (CS chính)				70	8.212,54	85.015.721.829			
	1- Đất khuôn viên				1	7.111,00	74.802.249.600			
	2- Nhà				1	1.101,54	6.236.854.204			
	3- Xe ô tô				5	-	1.887.136.300			
	4- Tài sản cố định khác				63	-	2.089.481.725			
	2. Đảng ủy phường (VP Đảng ủy, Ban Xây dựng Đảng, UBKT), MTTQVN				63	5.418,54	15.477.455.059			
	1- Đất khuôn viên				1	3.827,30	7.877.782.000			
	2- Nhà				1	1.591,24	5.870.865.000			
	3- Xe ô tô				-	-				
	4- Tài sản cố định khác				61	-	1.728.808.059			
	3. Trung tâm Văn hóa Thể dục thể thao phường				2	16.794,80	196.208.294.814			
	1- Đất khuôn viên				1	15.126,80	182.863.216.715			
	2- Nhà				1	1.668,00	13.345.078.099			
	3- Xe ô tô				-	-				
	4- Tài sản cố định khác				-	-				
	4. Dự kiến bố trí TTPVHCC				2	3.756,22	102.921.336.000			
	1- Đất khuôn viên				1	2.645,32	100.989.504.000			
	2- Nhà				1	1.110,90	1.931.832.000			
	3- Xe ô tô				-	-				
	4- Tài sản cố định khác				-	-				
	5. BCH Quân sự (Cơ sở 2)				2	721,20	9.109.340.000			
	1- Đất khuôn viên				1	297,50	5.870.865.000			
	2- Nhà				1	423,70	3.238.475.000			

	3- Xe ô tô				-	-				
	4- Tài sản cố định khác				-	-				
	6. Phòng ban chuyên môn, kho lưu trữ phường				3	5.394,36	84.750.540.000			
	1- Đất khuôn viên				1	3.195,40	78.510.978.000			
	2- Nhà				1	2.198,96	6.057.292.000			
	3- Xe ô tô				-	-				
	4- Tài sản cố định khác				1	-	182.270.000			
	7. Văn phòng các khu phố, chốt dân quân, chốt dân phòng				62	14.444,93	117.305.041.202			
	1- Đất khuôn viên				31	10.942,68	102.432.819.450			
	2- Nhà				31	3.502,25	14.872.221.752			
	3- Xe ô tô				-	-				
	4- Tài sản cố định khác				-	-				
	8. Các trường học				2.964	177.222,19	978.591.202.670			
	1- Đất khuôn viên				15	107.032,60	514.268.364.965			
	2- Nhà				15	70.189,59	385.002.348.055			
	3- Xe ô tô				-	-				
	4- Tài sản cố định khác				2.934	-	79.320.489.650			
	Tổng cộng				3.168	231.965	1.589.378.931.574	-	-	-

**CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG
NĂM 2025**

ĐVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích là: m²; Nguyên giá là: đồng.

[illegible]

**CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẺ, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG
NĂM 2025**

T cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích là: m²; Nguyên giá/số tiền thu được là: đồng.

[illegible]